

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105A/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2024

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1983;

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường L, Khóm H, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Dư Ngọc B, sinh năm: 1981;

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường L, Khóm H, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Vũ L trình bày: Anh và chị B chung sống vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 04 năm nay. Hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị B nên xin ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị B có 02 người con chung tên Nguyễn Dư Q, sinh ngày: 22/08/2006 và Nguyễn Dư Ngọc Q1, sinh ngày: 18/11/2009. Khi ly hôn, anh giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi

con 1 triệu đồng/tháng/01 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị **Dur Ngọc B** trình bày*: Chị thống nhất với lời trình bày của anh **L** về thời gian chung sống, anh chị không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên nay anh **L** yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

- *Về con chung*: Chị và anh **L** có 02 người con chung tên **Nguyễn Dur Q**, sinh ngày: 22/08/2006 và **Nguyễn Dur Ngọc Q1**, sinh ngày: 18/11/2009. Khi ly hôn, chị đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý anh **L** cấp dưỡng nuôi 02 con 1 triệu đồng/tháng/01 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, anh **L** và chị **B** có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh **L** xin ly hôn với chị **B** được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại **thành phố C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh **L** và chị **B** có đơn xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của anh **L** về việc được ly hôn với chị **B**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh **L** và chị **B** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh **L** và chị **B** là vợ chồng.

[3] Về phần con chung: Anh **L** và chị **B** thống nhất thỏa thuận giao hai con chung tên **Nguyễn Dur Q**, sinh ngày: 22/08/2006 và **Nguyễn Dur Ngọc Q1**, sinh

ngày: 18/11/2009 cho chị **B** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung là **Nguyễn Dư Q** và **Nguyễn Dư Ngọc Q1** nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **L** và chị **B** thống nhất thỏa thuận anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con cho đến khi con tròn 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Anh **L** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung: Anh **L** và chị **B** xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nợ chung: Anh **L** và chị **B** xác định không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, anh **L** phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh **L** phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Không công nhận anh **Nguyễn Vũ L** và chị **Dư Ngọc B** là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên **Nguyễn Dư Q**, sinh ngày: 22/08/2006 và **Nguyễn Dư Ngọc Q1**, sinh ngày: 18/11/2009 cho chị **B** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Vũ L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Anh **L** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị **B** có đơn yêu cầu thi hành án, anh **L** phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

-Án phí Hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 16/4/2024 anh L đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0008430 được chuyển thu đối trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh L phải nộp (chưa nộp).

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Út**



